TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14-4-2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc;

2. Ông Hoàng Đình Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn* Anh **Trương Thanh T**, sinh năm 1969, vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Chị **Lê Thị T1**, sinh năm 1972, vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trương Thanh T trình bày*:

Anh và chị T1 chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tây

Ninh ngày 29 tháng 7 năm 2002. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng ý kiến, không đồng chung quan điểm, chị T1 thường xuyên đi chơi không quan tâm, chăm sóc cho gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh và chị T1 đã sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu được ly hôn chị T1.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là Trương Thanh P sinh năm 1992, Trương Thanh N sinh năm 1993 và Trương Thanh Nữ sinh năm 1995. Hiện các con đã thành niên, có khả năng tự lao động sinh sống được nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn chị Lê Thị T1 trình bày:*

Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến, không đồng chung quan điểm, anh T thường xuyên uống rượu về chửi bới, đánh đập chị. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay. Từ khi ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh T muốn ly hôn thì tùy vào anh T, chị không có ý kiến.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 03 con chung như anh T đã trình bày. Hiện các con chung đã thành niên, có khả năng tự lao động sinh sống nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn chị T1. Đồng thời buộc anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trương Thanh T và chị Lê Thị T1 có đơn đền N1 xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Trương Thanh T và chị Lê Thị T1 sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990, nhưng đến 29 tháng 7 năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (giấy chứng nhận kết hôn số 80). Hôn nhân của anh T và chị T1 được công nhận có hiệu lực kể từ ngày 16/7/1990, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2003, tính đến nay đã 10 năm. Chị T1 thừa nhận từ khi ly thân, chị và anh T không còn quan tâm đến nhau và mỗi người đều có cuộc sống riêng, nay anh T muốn ly hôn thì tùy anh T, chị không có ý kiến. Về phía anh T cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu được ly hôn. Như vậy có căn cứ xác định, anh T và chị T1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị T1.

[2.2] Về nuôi con chung: Các con chung của anh T và chị T1 đã thành niên, có khả năng tự lao động sinh sống được, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Trương Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Thanh T về việc ly hôn.

Anh Trương Thanh T được ly hôn chị Lê Thị T1.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Trương Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 0018096 ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân